

Bản án số: **50/2017/HSST**
Ngày: 15-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh

Thẩm phán: Ông Võ Đình Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Dũng

Ông Vũ Như Trường Thọ

Bà Lê Thị Ngọc Oanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kiều Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hải Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

PHAN MINH Q, sinh ngày 10/10/1979 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 143, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số 112 Đường C, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; Số chứng minh nhân dân: 201433652; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm xây dựng; Con ông Phan Quốc V (c) và bà Lê Thị M; Có vợ là Thái Thị Ánh N và 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 26/3/2017. Có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông **Nguyễn Cao Hùng** - Luật sư Chi nhánh Công ty Luật Bảo Ngọc tại Đà Nẵng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo. Có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 33/01A đường D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 419 khu phố G, phường H, Quốc lộ 13, quận K, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt có lý do.

2. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 301 Đường L, tổ 17A, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Bà **Mai L A**, sinh năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 123 Đường O, tổ 60, phường P, quận Q, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Ông **Hồ Văn N**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 09, thôn R, xã S, huyện T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm: 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 04, thôn U, xã S, huyện T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

6. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm: 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 08, thôn V, xã B, huyện T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

7. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1950; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 03, phường U, quận V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 477 đường W, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 150 Đường N, phường C, quận V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

9. Bà **Phạm Thị Diễm P**, sinh năm: 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Khối phố 7, thị trấn V, thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

10. Bà **Kiều Thị T**, sinh năm: 1976; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 67, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có lý do.

11. Ông **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm: 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 63A, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có lý do.

12. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 36, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có lý do.

NỘI D VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2016, bà Lê Thị D (SN 1954, trú 33/1A đường D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh) có đơn tố cáo Phan Minh Q có hành vi lợi dụng việc bà nhờ làm thủ tục quyền sử dụng đất để chiếm đoạt của bà lô đất số 773 khu E2 mở rộng thuộc khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, trị giá 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kết quả điều tra xác định: Năm 2010, gia đình bà Phạm Thị Đ (Sinh năm 1974, trú xã S, huyện T, Đà Nẵng) và bà Phạm Thị L (Sinh năm 1965, xã B, huyện T, Đà Nẵng) thuộc diện giải tỏa thu hồi đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng bố trí đất tái định cư theo phiếu phân lô số 289, 290 sau này cấp thành 02 lô đất số 774, 775 khu E2 mở rộng, khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do không có nhu cầu sử dụng đất nên các anh chị em trong gia đình bà L, bà Đ thống nhất chuyển nhượng 02 phiếu phân lô đất này cho ông Hồ Văn N (sinh năm 1982, trú xã S, huyện T, Đà Nẵng). Sau đó, ông N bán 02 phiếu đất lại cho bà Lê Thị L (sinh năm 1966, trú phường M, quận N, Đà Nẵng).

Vào tháng 11 năm 2010, bà Lê Thị D thông qua con gái mình là Lê Thị H (Sinh năm 1979, trú phường H, quận K, thành phố Hồ Chí Minh) đã gặp và nhờ Phan Minh Q tìm mua 02 lô đất tại thành phố Đà Nẵng. Q đã liên hệ với bà Lê Thị L để mua lại 02 phiếu phân lô đất số 289 và 290 (nêu trên) với giá 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 30/11/2010, tại phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, tất cả các anh chị em của bà L, bà Đ đã lập hợp đồng ủy quyền số 15798 ủy quyền cho bà Lê Thị D thay mặt họ để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết những vấn đề liên quan đến 02 lô đất số 774, 775 theo phiếu phân lô 289 và 290. Bà D đã trả đủ số tiền 1.700.000.000 đồng cho bà Lê Thị L.

Do ở xa và tin tưởng Phan Minh Q, bà Lê Thị D đã nhờ Q giúp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất 774 và 775 cho bà D đứng tên, Q đồng ý. Lô đất 774 đứng tên bà Phạm Thị Đ, Q đã làm đủ thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị D. Đối với lô đất 775 đứng tên bà Phạm Thị L có sai lệch so với thực tế ban đầu (do điều chỉnh quy hoạch) nên lô đất 775 đổi lại thành lô đất số 773. Do sự sai lệch này nên Phan Minh Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt lô đất 773. Để thực hiện ý định đó, ngày 20/5/2011, Q đã nhờ ông Hồ Văn N và bà Lê Thị L liên lạc với bà Phạm Thị L đến Ủy ban nhân dân phường M ký giấy cam kết về việc giao quyền đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư từ bà Phạm Thị L sang cho Phan Minh Q (Trước đó, Q nói dối với ông N, bà L việc bà Lê Thị D đã đồng ý cho Q đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 773. Tin lời nói của Q là thật nên bà L đã ký giấy cam kết cho Q). Ngày 31/5/2011, Q liên hệ với mọi người trong gia đình bà L đến Ủy ban nhân dân phường M là thủ tục thừa kế giao toàn quyền cho bà L được thừa kế đối với lô đất 773. Ngày 15/12/2011, bà L làm thủ tục ủy quyền cho Phan Minh Q đối với lô đất 773 và được Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Đà Nẵng chứng thực. Đến ngày 24/6/2013, Q đem hồ sơ liên quan của lô đất 773 đến Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng – xây lắp và Kinh

doanh nhà Đà Nẵng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phan Minh Q.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất 773, ngày 28/8/2013, Q làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất này tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội số 54 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng để vay 600.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Do không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên ngày 20/8/2014, tại Phòng công chứng Trọng Tâm số 323 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Q ký hợp đồng chuyển nhượng số 5024 bán lô đất 773 cho chị Mai Lan A (SN 1974, trú 123 Đường O, phường P, quận Q, Đà Nẵng) với giá 1.050.000.000 đồng. Số tiền này, Q dùng để trả nợ ngân hàng và sử dụng cá nhân hết. Ngày 03/12/2015, chị Mai Lan A bán lô đất này lại cho vợ chồng ông Trần Văn H và bà Phạm Thị Diễm P (trú tại thành phố Hồ Chí Minh). Vợ chồng ông H đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng ngày 11/5/2017, trị giá lô đất 773 tờ bản đồ số 00, diện tích 183,5m² khu E2 mở rộng, khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ là 1.296.146.025 đồng. (Bút lục số: 53).

Bà Lê Thị D yêu cầu Phan Minh Q bồi thường trị giá lô đất số 773 theo giá thị trường là 1.800.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phan Minh Q đã tác động người thân bồi thường cho bà D số tiền 1.100.000.000 đồng. (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 31/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Minh Q mức hình phạt từ 5 năm đến 6 năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Minh Q cũng đã khai nhận các hành vi phạm tội của mình. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Minh Q thống nhất về tội danh và điều, khoản như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; thống nhất quan điểm luận tội về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cũng như việc đề nghị mức án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Minh Q tại phiên tòa phù hợp với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, luận cứ bào chữa của Luật sư và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Cuối năm 2010, thông qua Lê Thị H (con gái bà Lê Thị D) và bà Lê Thị L, ông Hồ Văn N, Phan Minh Q đã mua giúp cho bà D được 02 lô đất ở khu E2 thuộc khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ. Sau khi mua bà Lê Thị D tin tưởng giao các giấy tờ liên quan nhờ Q làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất bà D đã mua (lô 774, 775), Q đã giúp làm xong sổ đỏ lô 774 đứng tên bà D và đã đưa cho bà D. Riêng lô đất 775 do điều chỉnh quy hoạch nên được chuyển đổi thành lô đất số 773. Lúc này, Q không cho bà D biết thông tin về việc chuyển đổi lô đất này mà tự ý liên hệ với những người đã bán phiếu đất lô đất cho bà D trước đó, nói dối với họ là Q đã được bà D đồng ý cho đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ những người này làm giấy cam kết về việc giao quyền đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư cho Q và làm thủ tục ủy quyền lô đất 773 cho Q. Q đã sử dụng các giấy tờ này làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 773 đứng tên mình và đã mang đi cầm, sau đó bán lô đất trên để lấy tiền sử dụng cá nhân. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 1.296.146.025 đồng. Như vậy, hành vi trên của Phan Minh Q đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự, việc Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Phan Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Bởi lẽ Q chỉ nảy sinh ý thức chiếm đoạt và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt lô đất của bà D sau khi được bà D tin tưởng giao giấy tờ liên quan nhờ Q đi làm giúp sổ đỏ cho bà D, nên đây chỉ là hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chứ không phải là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ vào Điều 196 Bộ luật tố tụng Hình sự quy định về giới hạn xét xử, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo Q

về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, trong việc nhờ bị cáo làm giúp giấy tờ sở hữu lô đất người bị hại đã mua, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt lô đất này của người bị hại. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó đối với bị cáo cần xử phạt thỏa đáng, phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công với Cách mạng, cha mẹ bị cáo được tặng thưởng nhiều huân huy chương (huân chương kháng chiến, huân chương chiến sĩ vẻ vang, huân chương giải phóng), ông ngoại là liệt sĩ, bà ngoại được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Bị cáo cũng đã tác động người thân bồi thường cho người bị hại số tiền 1.100.000.000đ. Người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 thì mức hình phạt từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân, nhưng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 thì mức hình phạt từ 12 đến 20 năm. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định có lợi của Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 để cân nhắc mức hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng là thỏa đáng, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Ngoài ra, cuối năm 2010, bà Lê Thị D thông qua con gái bà D có đưa cho Q số tiền 500.000.000đ để mua đất giúp cho bà D ở Hội An. Q khai đã dùng số tiền này mua đất ở Hội An nhưng chưa mua được. Quá trình điều tra xác định đây là quan hệ dân sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không đề cập giải quyết. Tại phiên tòa bà Lê Thị D vắng mặt nhưng bà đã có đơn không yêu cầu bồi thường và không khiếu nại gì về số tiền 500.000.000đ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Đ, ông Hồ Văn N, bà Lê Thị L và một số cán bộ Ủy ban nhân dân phường M gồm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Kiều Thị T liên quan đến việc làm thủ tục cam kết giao quyền đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 773 và giấy ủy

quyền từ bà Phạm Thị L sang cho Phan Minh Q, nhưng không biết việc làm gian dối của bị cáo, Q nói dối với ông N, bà L, bà L là bà Lê Thị D đồng ý cho Q đứng tên đối với lô đất 773 nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với bà L, bà L, ông N, ông T, ông Đ, bà T là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị D đã có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Minh Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Phan Minh Q 05 (năm) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2017.

*** Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Phan Minh Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cảnh

